

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

● ĐỖ HUYỀN TRANG

TÓM TẮT:

Quản trị chất lượng là một trong những khâu quan trọng để đảm bảo cho quá trình hoạt động sản xuất có được những sản phẩm hoàn hảo. Đặc biệt, việc quản lý chất lượng có ý nghĩa vô cùng quan trọng giúp các doanh nghiệp khẳng định năng lực cung cấp sản phẩm cũng như khẳng định uy tín trên thị trường. Thông qua nội dung bài báo này, tác giả tiến hành đánh giá và phân tích những yếu tố tác động đến quản lý chất lượng tại các doanh nghiệp dệt may thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Kết quả phân tích đánh giá này là một phần trong quá trình đánh giá năng lực gia công xuất khẩu của các doanh nghiệp dệt may theo định hướng nghiên cứu mà tác giả đang thực hiện.

Từ khóa: quản trị chất lượng, dệt may, năng lực quản trị.

1. Cơ sở lý luận về năng lực quản lý chất lượng

1.1. Quản lý quy trình

Là việc tiêu chuẩn hóa các quá trình để đáp ứng việc hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch, dẫn đến sự phù hợp của tổ chức, giảm sự mơ hồ và giảm lỗi do hành vi lặp đi lặp lại (Santos-Vijande & Álvarez-González, 2007). Quản lý quy trình là hoạt động đảm bảo cho máy móc thiết bị chạy ổn định và hiệu quả cao. Thực hiện quản lý quy trình nghĩa là doanh nghiệp cần phải đào tạo cho những người công nhân dưới đây chuyên để họ có thể tự bảo quản thiết bị của mình. Quản lý quy trình thực hiện các việc bảo trì cơ bản trong quá trình làm việc như kiểm soát, lau chùi, bôi trơn. Các công việc này do chính những người công nhân đứng máy thực hiện. Đây là cơ sở dự đoán cho việc cải tiến thiết bị và sửa chữa, đào tạo và các hoạt động tạo giá trị cao (Nakajima & Tanaka, 1988). Theo quan điểm này, quản lý quy trình không có nghĩa là người công nhân chỉ có nhiệm vụ sản xuất còn việc sửa chữa và bảo dưỡng là nhiệm vụ của nhóm bảo dưỡng mà

người công nhân cần có trách nhiệm với thiết bị của mình để đạt được mục tiêu an toàn, không có tai nạn và không có sự cố.

Ngoài ra, khi một công việc của người công nhân thực hiện theo đúng công việc tiêu chuẩn sẽ giúp cho họ có được một phương pháp thực hiện công việc hiệu quả nhất và duy trì lặp lại cho những sản phẩm tiếp theo. Mỗi sản phẩm, người công nhân đều thực hiện các thao tác công việc giống nhau như vậy sẽ giúp cho hệ thống được ổn định (Cirjaliu & Draghici, 2016); (Dennis & Scott, 2007); (Ohno et al., 1988). Các công cụ vận hành công việc tiêu chuẩn bao gồm các loại bảng kiểm soát và đánh giá các tiêu chuẩn để người quản lý và công nhân thực hiện công việc. Khi có công việc tiêu chuẩn quá trình sản xuất trở nên dễ dàng hơn, các điều kiện không tiêu chuẩn được nhận biết và đưa ra các quyết định kịp thời.

1.2. Cam kết của lãnh đạo

Cam kết của lãnh đạo phản ánh sự tham gia của ban quản lý, cam kết và tầm nhìn hướng tới việc tạo

ra một chiến lược thay đổi và định hướng chất lượng (Lakshman, 2006).

Sự tham gia và cam kết của ban lãnh đạo về chất lượng như là một yếu tố cơ bản quyết định trong việc thực hiện thành công TQM đã được thừa nhận rộng rãi ở những nghiên cứu trước đây ((Dean Jr & Bowen, 1994); (Hackman & Wageman, 1995); (Waldman, 1994)). Vai trò của nhà quản trị cấp cao là rất lớn trong việc cung cấp sự lãnh đạo đã được thể hiện rõ từ lâu trong một số tổ chức ở nhiều quốc gia khắp các châu lục như Asahi Breweries Ltd., Nhật bản, Xerox, Inc., Dunlop Mỹ, Dow-Corning Pvt. Ltd., Úc, Dunlop, Ltd., Malaysia ((Teng & Das, 2008)). Ban quản trị cấp cao hành động như là người dẫn dắt thực thi TQM, có thể được xác định là khả năng quản trị để phát triển và truyền thông một tầm nhìn dài hạn, tạo lập giá trị, mục tiêu và các hệ thống, tổ chức làm việc nhóm, cải tiến liên tục và định hướng khách hàng. Họ hành động mẫu mực để cung cấp nguồn cảm hứng và hướng dẫn cho những người khác (Anderson & Neary, 1994); (Dean Jr & Bowen, 1994). Quan điểm về sự lãnh đạo cũng hàm ý xác định rõ ràng về tầm nhìn, định hướng lâu dài, trao quyền cho nhân viên, sự công nhận, huấn luyện và phát triển con người (Anderson & Neary, 1994); (Zairi & Leonard, 1994).

1.3. Quản trị nhà cung cấp

Các hoạt động sản xuất của một doanh nghiệp không thể được thực hiện nếu hệ thống nhà cung cấp của doanh nghiệp thiếu ổn định hoặc không đảm bảo chất lượng. (Habidin et al., 2014) cho rằng việc phát triển tốt hệ thống nhà cung cấp cùng hỗ trợ thực hiện quản trị sản xuất giúp cả hai đều đạt được lợi thế cạnh tranh và tạo thành dòng chảy liên tục. Đây là điều kiện quan trọng giúp đạt được các cam kết chất lượng nói riêng và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói chung.

1.4. Đào tạo nhân lực

Đào tạo là cách thức để chia sẻ kiến thức và nâng cao kỹ năng cho các thành viên trong bất kỳ tổ chức nào. Quản lý chất lượng toàn diện bao gồm rất nhiều các công cụ, kỹ thuật và phương pháp rất phức tạp. Do đó, cách tốt nhất để các công cụ này được hiểu và sử dụng đúng cách là thông qua hoạt động đào tạo. Ngay cả tại doanh nghiệp thành công trong quản lý chất lượng toàn diện thì hệ thống đào tạo luôn được coi là xương sống để duy trì hoạt động quản lý chất lượng toàn diện và phát triển con người (Dennis & Scott, 2007). (Womack &

Khodakhah, 2003) cũng lưu ý thêm rằng quản lý chất lượng toàn diện là một tập hợp của rất nhiều các công cụ, kỹ thuật và “không phải ai cũng có thể hiểu và sử dụng được” mà không cần đào tạo. (Wilson, 2010) cũng đồng tình với quan điểm này khi đề cao hoạt động đào tạo và huấn luyện các công cụ, kỹ thuật quản lý chất lượng trước và trong quá trình triển khai từ những người có kinh nghiệm.

1.5. Định hướng khách hàng

Là yếu tố quan trọng đối với tất cả các quá trình từ nghiên cứu, thiết kế, sản xuất đến phân phối sản phẩm, dịch vụ cũng như các quá trình làm thỏa mãn nhu cầu, mong đợi của khách hàng hiện tại và tương lai (Dean Jr & Bowen, 1994). Sự thỏa mãn của khách hàng là thước đo cuối cùng của kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp cũng như nó dự đoán khả năng thành công hay thất bại trong tương lai của một tổ chức (Kanji và Asher, 1996). Việc xác định nhu cầu và mong đợi của khách hàng, cung cấp hàng hóa và dịch vụ để thỏa mãn họ là rất cần thiết cho việc thực hiện TQM (Ishikawa & Loftus, 1990). Vì thế, định hướng khách hàng hay tập trung vào khách hàng được xem như là thành phần trọng yếu nhất của TQM (Dean Jr & Bowen, 1994).

2. Thực trạng năng lực quản trị chất lượng tại các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

2.1. Về quản lý quy trình

Trong suốt quá trình gia công xuất khẩu, các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đều thực hiện quản lý chất lượng. Các hoạt động quản lý quy trình được thực hiện ở cả 3 khâu: Nguyên phụ liệu, sản xuất và hoàn thiện sản phẩm nhằm đảm bảo các sản phẩm có chất lượng đạt yêu cầu xuất khẩu theo đúng hợp đồng đã ký.

(i) Kiểm tra nguyên phụ liệu:

Hoạt động kiểm tra nguyên phụ liệu được thực hiện trước khi đưa vào sản xuất. Mặc dù tính chất của các nguyên phụ liệu ngành May thường không dễ bị hỏng hay bị giảm về chất lượng.

(ii) Trong quá trình sản xuất

Khi lập phương án sản xuất, Công ty luôn tạo điều kiện cho hoạt động quản lý chất lượng được tiến hành thuận lợi theo một quy trình nhất định. Trong khi sản xuất trên dây chuyền, Công ty cũng thường xuyên kiểm tra, giám sát nhằm ngăn chặn sai hỏng ngay từ đầu thông qua bộ phận quản lý chất lượng và các cán bộ kỹ thuật.

Trong quá trình tác nghiệp, bộ phận quản lý chất lượng thường dùng phương pháp trực quan và chọn mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra. Việc kiểm tra này được áp dụng với các quy trình khác nhau được thể hiện như Bảng 1.

Sản phẩm hoàn thiện

Sản phẩm cuối cùng, do nhân viên quản lý chất lượng của công ty kiểm tra. Sản phẩm sau khi sản xuất được xếp theo lô. Mỗi lô có cùng chỉ số, cùng một ngày sản xuất được đóng trong bao túi có cùng ký mã kiện. Doanh nghiệp lấy mẫu kiểm tra một lần nữa các chỉ tiêu và phân cấp theo quy định sau đó nhập kho.

Nhìn chung, kết quả đánh giá năng lực quản trị quy trình của các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam hiện nay ở mức khá tốt (điểm trung

bình 3,48). Phần lớn các doanh nghiệp đều thực hiện cải tiến quy trình nâng cao hiệu quả sản xuất và thường xuyên kiểm soát chất lượng trong toàn bộ quy trình gia công sản phẩm. Tuy nhiên, mức độ linh hoạt của quy trình sản xuất hiện tại còn thấp khó áp dụng để sản xuất các sản phẩm may mặc có thiết kế riêng biệt hoặc phức tạp (điểm trung bình 3,28). (Bảng 2)

2.2. Về cam kết của lãnh đạo

Đến nay, Tập đoàn Dệt May Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn đều đã thể hiện các cam kết và chính sách chất lượng một cách đầy đủ và công khai. Lãnh đạo của các công ty thành viên đã xác định được chính sách, mục tiêu chất lượng cụ thể và có sự cam kết về chất lượng. Hệ thống chất lượng gồm các tài liệu

Bảng 1. Quy trình quản lý chất lượng trong quá trình sản xuất tại các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bộ phận chịu trách nhiệm	Quy trình sản xuất	Nội dung kiểm tra	Đối tượng kiểm tra
Bộ phận kỹ thuật của phân xưởng, QA	Cắt	- Trải vải. - Độ chính xác của cắt. - Đảm bảo đồng bộ trước khi chuyển sang may.	- 100% bàn cắt và các chi tiết bán thành phẩm. - 100% bó hàng đồng bộ. - Kiểm tra lại tổ cắt.
Bộ phận kỹ thuật của phân xưởng, QA kiểm tra trước khi sản xuất hàng loạt.	May	- Kiểm tra các đường may. - Chỉ. - Vệ sinh công nghiệp. - Tính đồng bộ của chi tiết. - Kích thước. - Theo mẫu chuẩn hoặc theo tài liệu kỹ thuật các phân xưởng.	- 100% các đường may chi tiết của 50 sản phẩm đầu tiên trên dây chuyền. - Kiểm tra xác suất và phát hiện lỗi sau khi thu hóa của phân xưởng may đã kiểm tra. - 100% thành phẩm cuối cùng.
Bộ phận kỹ thuật	Là	- Kiểm tra là thành phẩm. - Vệ sinh công nghiệp của thành phẩm. - Kiểm tra kích thước đường may, chỉ.	- 100% thành phẩm sau là. - Kiểm tra lại tổ là. - Kiểm tra xác suất thành phẩm sau khi thu hóa của các phân xưởng đã kiểm tra 100% hoặc sau khi tái chế.
Bộ phận QA Kiểm tra chất lượng sản phẩm.	Đóng gói	- Kiểm tra về mẫu sắc, mã hàng, số lượng sản phẩm trong 1 tháng. - Số lượng thùng và địa chỉ giao hàng. - Đai nẹp và gián bằng dính.	- Kiểm tra 100% thùng tại tổ là. - Kiểm tra xác suất phát hiện lỗi sau khi thu hóa của các xí nghiệp may đã kiểm tra 100% số thùng hoặc sau khi tái chế. - Kiểm tra tại tổ là hoặc nơi đóng thùng của các phân xưởng.

Nguồn: Tổng hợp của NCS

Bảng 2. Kết quả thống kê mô tả năng lực quản lý quy trình sản xuất tại các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Biến quan sát	N	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Quản trị 1	186	3.47	0.913
Quản trị 2	186	3.55	0.906
Quản trị 3	186	3.28	0.905
Quản trị 4	186	3.63	0.910
		3.48	0.739

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu bằng SPSS

về sở tay chất lượng, các quy trình hướng dẫn công việc nhằm:

- Quản lý nội bộ toàn công ty, nâng cao chất lượng sản phẩm thỏa mãn yêu cầu khách hàng.
- Tạo lòng tin với khách hàng.
- Đánh giá chất lượng để hệ thống được duy trì.

Hệ thống quản lý chất lượng quy định rõ trách nhiệm quyền hạn của từng bộ phận và hướng dẫn công việc cụ thể trong từng bộ phận của công ty. Cấu trúc hệ thống chất lượng bao gồm 3 phần, được biểu diễn theo sơ đồ sau: (Hình 1)

Hình 1: Các cam kết về chất lượng tại doanh nghiệp



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Trong đó:

Tầng 1: Sở tay chất lượng: Chính sách chất lượng, các mục tiêu chất lượng, tổ chức quản lý chất lượng, phân công trách nhiệm quyền hạn, mô tả chung các yếu tố của hệ chất lượng.

Tầng 2: Các quy trình chất lượng thể hiện các biện pháp kiểm soát và điều phối hoạt động có ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm và dịch vụ của công ty.

- Các hướng dẫn công việc, các quy định cho người làm việc thực hiện gồm: các kế hoạch chất lượng, các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định cụ thể quy trình thao tác, các tài liệu để tra cứu biểu mẫu.

- Hồ sơ chất lượng, các báo cáo thử nghiệm các biểu mẫu đã được thực hiện và các báo cáo khác.

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ quan tâm chưa đáng kể của các nhà quản trị doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đối với vấn đề chất lượng. Trong đó, yếu tố ban lãnh đạo quan tâm tới mục tiêu chất lượng hơn là sản lượng sản phẩm và tầm nhìn chiến lược của doanh nghiệp tập trung vào cải tiến chất lượng còn thấp (điểm trung bình lần lượt 3,12 và 3,22); thường xuyên khuyến khích sự tham gia của người lao động trong hoạt động quản lý chất lượng toàn diện (điểm trung bình 3,31) và tập trung vào mục tiêu quản trị chất lượng hơn sản lượng (điểm trung bình 3,34). (Bảng 3)

Bảng 3. Kết quả thống kê mô tả năng lực lãnh đạo tại các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Biến quan sát	N	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Lãnh đạo 1	186	3.12	0.893
Lãnh đạo 2	186	3.31	0.844
Lãnh đạo 3	186	3.34	0.917
Lãnh đạo 4	186	3.22	0.936
		3.24	0.758

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu bằng SPSS

2.3. Quản lý nhà cung cấp

Có thể thấy, ngành May Việt Nam chưa thể đạt được tỷ lệ nội địa hóa các nguyên, phụ liệu, thường xuyên chịu áp lực từ nguồn cung nhập khẩu.

Chỉ có gần 30% phiếu khảo sát hoàn toàn đồng ý doanh nghiệp đã xem xét các chiến lược ảnh hưởng đến quá trình quản trị quan hệ nhà cung cấp và chứng minh mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua các thỏa thuận và thiết lập mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp. Thậm chí, chỉ 26,72% ý kiến xác nhận doanh nghiệp thường xuyên làm việc với các nhà cung cấp có chứng nhận chất lượng. Có xấp xỉ 50% phiếu khảo sát nhấn mạnh doanh nghiệp đã thường xuyên cập nhật thông tin và đánh giá chất lượng nhà cung cấp. (Bảng 4)

Đánh giá về quản trị quan hệ với nhà cung cấp dựa trên thang đo Likert, giá trị trung bình là 2,98 (thấp hơn đáng kể so với mức điểm trung bình 3,4). Nhìn chung, các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đều nhận thức được lợi thế cạnh

Bảng 4. Kết quả thống kê mô tả năng lực quản lý nhà cung cấp tại các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Biến quan sát	N	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Nhà cung cấp 1	186	2.93	1.024
Nhà cung cấp 2	186	3.04	1.062
Nhà cung cấp 3	186	3.06	1.046
Nhà cung cấp 4	186	2.91	1.044
		2.98	0.912

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu bằng SPSS

tranh và hiệu quả tổ chức có được từ việc xây dựng chiến lược và vận hành quy trình quản trị quan hệ với nhà cung cấp thích hợp.

2.4. Đào tạo nguồn nhân lực

Trước sự phát triển mạnh mẽ của ngành Dệt may, cùng với yêu cầu mới của cuộc CMCN 4.0 và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, nhu cầu về nhân lực chất lượng cao đang trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Là nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành, các cơ sở đào tạo của Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã có nhiều cố gắng và đóng góp vào sự nghiệp "trồng người" của ngành Dệt may Việt Nam.

Để đáp ứng "đúng và trúng" nhu cầu nhân lực của ngành trong điều kiện mới, thời gian qua các trường đều đổi mới, nâng cao hiệu quả giảng dạy, lấy cốt lõi là "gắn dạy và học với thực tiễn doanh nghiệp". Từ thực tế các cơ sở đào tạo của ngành đã xuất hiện những mô hình hiệu quả. (1)

Bảng 5. Kết quả thống kê mô tả năng lực đào tạo nhân lực tại các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Biến quan sát	N	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Nhân lực 1	186	3.17	0.846
Nhân lực 2	186	3.33	0.891
Nhân lực 3	186	3.34	0.851
Nhân lực 4	186	3.18	0.900
		3.25	0.696

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu bằng SPSS

Học lý thuyết xen thực hành cơ bản trên sản phẩm từ thị trường nội địa hoặc giải quyết các tình huống thực tiễn ngay từ năm thứ nhất; (2) Thực tập nghề nghiệp theo môi trường sản xuất kết hợp lý thuyết chuyên sâu; (3) Thực tập sản xuất tại môi trường doanh nghiệp; (4) Thực tập tốt nghiệp với các chuyên đề chuyên sâu theo vị trí việc làm của từng nghề,...

2.5. Định hướng khách hàng

Đối với các đối tác là khách hàng đặt gia công và mua sản phẩm để xuất khẩu, đặc điểm của khách hàng này là đặt hàng với số lượng lớn, vì vậy, hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều ở sự trung thành của họ. Các yêu cầu cơ bản của khách hàng nước ngoài được thể hiện tại Bảng 6.

Các công ty thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng muốn tìm kiếm thông tin, hay cần sự hỗ trợ, giúp đỡ từ phía công ty. Việc đánh giá mối quan hệ của

Bảng 6. Định hướng khách hàng của các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Mối quan tâm	Cách thức thực hiện
- Thời gian giao hàng - Chất lượng sản phẩm - Giá - Tăng giá trị và uy tín cạnh tranh	- Củng cố và tăng cường uy tín, quan hệ mật thiết với khách hàng lắng nghe và thỏa mãn các yêu cầu khách hàng. - Xây dựng quy chế, quy trình đảm bảo các yêu cầu về tiến độ, chất lượng, mức giá - Cho nhân viên hỗ trợ khách hàng khi gặp vấn đề khó khăn - Thành lập bộ phận tư vấn kỹ thuật may giúp khách hàng giảm chi phí - Tạo điều kiện cho khách hàng được lợi thế cạnh tranh trên thương trường bằng cách nâng uy tín sản phẩm công ty

Nguồn: Tác giả tổng hợp

công ty với khách hàng sẽ dựa vào kết quả tăng doanh số, số lượng khách hàng tăng nhưng vẫn giữ được khách hàng đã và đang có. (Bảng 7)

Kết quả trên Bảng 7 cho thấy mức độ định hướng khách hàng của các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam hiện nay chưa cao, mới đạt mức 3,26.

Thông qua bài báo này, tác giả đã phân tích đánh giá được năng lực quản trị chất lượng của các doanh nghiệp dệt may thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Việc đánh giá năng lực quản trị chất lượng của các doanh nghiệp dệt may thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam có ý nghĩa quan trọng trong góp phần đánh giá năng lực gia công của các doanh nghiệp này ■

Bảng 7. Kết quả thống kê mô tả năng lực định hướng khách hàng tại các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Biến quan sát	N	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Khách hàng 1	186	3.13	.822
Khách hàng 2	186	3.33	.760
Khách hàng 3	186	3.35	.853
Khách hàng 4	186	3.25	.872
		3.2648	.67091

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu bằng SPSS

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Anderson, J. E., & Neary, J. P. (1994). Measuring the restrictiveness of trade policy. *The World Bank Economic Review*, 8(2), 151-169.
2. Cirjaliu, B., & Draghici, A. (2016). Ergonomic issues in lean manufacturing. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 221, 105-110.
3. Dean Jr, J. W., & Bowen, D. E. (1994). Management theory and total quality: improving research and practice through theory development. *Academy of Management review*, 19(3), 392-418.
4. Dennis, M., & Scott, C. K. (2007). Managing addiction as a chronic condition. *Addiction Science & Clinical Practice*, 4(1), 45.
5. Habidin, N. F., Fuzi, N. M., Zamri, F. I. M., Hibadullah, S. N., & Desa, A. F. N. C. (2014). ISO 26000 efforts and corporate social responsibility performance in Malaysian automotive industry. *International Journal of Business Excellence*, 7(4), 515-529.
6. Hackman, J. R., & Wageman, R. (1995). Total quality management: Empirical, conceptual, and practical issues. *Administrative science quarterly*, 309-342.
7. Ishikawa, K., & Loftus, J. H. (1990). Introduction to quality control (Vol. 98). Springer.
- Lakshman, C. (2006). A theory of leadership for quality: Lessons from TQM for leadership theory. *Total Quality Management & Business Excellence*, 17(1), 41-60.
8. Nakajima, T., & Tanaka, M. (1988). Algorithms for radiative intensity calculations in moderately thick atmospheres using a truncation approximation. *Journal of Quantitative Spectroscopy and Radiative Transfer*, 40(1), 51-69.
9. Ohno, S., Akita, Y., Konno, Y., Imajoh, S., & Suzuki, K. (1988). A novel phorbol ester receptor/protein kinase, nPKC, distantly related to the protein kinase C family. *Cell*, 53(5), 731-741.
10. Santos-Vijande, M. L., & Álvarez-González, L. I. (2007). Innovativeness and organizational innovation in total quality oriented firms: The moderating role of market turbulence. *Technovation*, 27(9), 514-532.
11. Teng, B. S., & Das, T. (2008). Governance structure choice in strategic alliances: The roles of alliance objectives, alliance management experience, and international partners. *Management decision*.
12. Waldman, D. A. (1994). The contributions of total quality management to a theory of work performance. *Academy of Management review*, 19(3), 510-536.

13. Wilson, D. (2010). *Darwin's cathedral*. In Darwin's Cathedral. University of Chicago Press.

Womack, M. D., & Khodakhah, K. (2003). Somatic and dendritic small-conductance calcium-activated potassium channels regulate the output of cerebellar Purkinje neurons. *Journal of Neuroscience*, 23(7), 2600-2607.

14. Zairi, M., & Leonard, P. (1994). Practical Benchmarking: The Complete Guide: A Complete Guide. *Springer Science & Business Media*.

Ngày nhận bài: 10/7/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 7/8/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 17/8/2022

Thông tin tác giả:

ThS. ĐỖ HUYỀN TRANG

NCS. Trường Đại học Thương mại

THE CURENT SITUATION OF QUALITY MANAGEMENT OF TEXTILE AND GARMENT COMPANIES UNDER VIETNAM NATIONAL TEXTILE AND GARMENT GROUP

● Master. **DO HUYEN TRANG**
Ph.D student, Thuongmai University

ABSTRACT:

Quality management is one of the important steps to ensure the product quality. It plays an extremely role in helping enterprises affirm their production ability and build their reputation. This paper evaluates and analyzes the factors affecting the quality management of textile and garment companies under Vietnam National Textile and Garment Group. This paper's analyses is a part of the assessment about the export processing capacity of textile and garment enterprises which is conducted by the paper's author.

Keywords: quality management, textile, management capacity.